UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TAM ANH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1781/QĐ-UBND	*Tam Anh, ngày 29 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất 02 Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022) và 01 Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025) về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Công văn số 3911/SNNMT-CCPTNT ngày 14/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng về việc triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 trên địa bàn thành phố theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 24/10/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 7183/SNNMT-CCPTNT ngày 22/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường V/v ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Tam Anh;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tam Anh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã Tam Anh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội, Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông – lâm – ngư nghiệp có mức sống trung bình xã, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan, Trưởng các thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Chi cục PTNT thành phố (báo cáo);
- BTV Đảng ủy, TT.HĐND xã (b/c);
- BTT.UBMTTQVN, các tổ chức CT-XH xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Trường

kieubtt-29/12/2025 16:17:25-kieubtt-kieubtt

Phụ lục

CÔNG NHẬN DANH SÁCH HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày ...tháng .... năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Tam Anh)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
I. HỘ NGHÈO							
1	Phạm Thị Lâm	Nữ	02/08/1950	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
2	Châu Thị Tranh	Nữ	05/01/1945	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
3	Lê Thị Thọ	Nữ	10/07/1955	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
4	Phạm Khế	Nam	30/12/1944	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
5	Phạm Viết Vọng	Nam	01/01/1968	Thôn Mỹ Sơn	120	10	N
6	Phạm Thị Bé	Nữ	05/05/1932	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
7	Phạm Thị Thảo	Nữ	01/01/1957	Thôn Mỹ Sơn	120	10	N
8	Phạm Thị Nỹ	Nữ	01/01/1962	Thôn Mỹ Sơn	120	10	N
9	Thân Thị Huệ	Nữ	04/01/1946	Thôn Mỹ Sơn	115	10	N
10	Mai Thị Bửu	Nữ	01/01/1952	Thôn Nam Định	130	30	N
11	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	16/02/1955	Thôn Nam Định	130	30	N
12	Nguyễn Thị Tịnh	Nữ	01/01/1940	Thôn Nam Định	130	30	N
13	Đỗ Thị Tứ	Nữ	05/01/1954	Thôn Nam Định	130	30	N
14	Bùi Thị Nhung	Nữ	21/06/1936	Thôn Tiên Xuân 1	110	30	N
15	Lê Thị Lệ Ánh	Nữ	12/12/1965	Thôn Tiên Xuân 1	130	30	N
16	Nguyễn Đức Thạnh	Nam	10/07/1975	Thôn Tiên Xuân 1	130	30	N

kieubtt-29/12/2025 10:17:25-kieubtt-kieubtt-kieubtt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
17	Nguyễn Thị Bé	Nữ	10/02/1976	Thôn Tiên Xuân 1	125	30	N
18	Ôn Thị Nghĩa	Nữ	10/10/1953	Thôn Tiên Xuân 2	120	30	N
19	Ngô Cườm	Nam	01/01/1961	Thôn Tiên Xuân 2	115	30	N
20	Trần Thị Lâm	Nữ	10/05/1949	Thôn Tiên Xuân 2	120	30	N
21	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	10/05/1949	Thôn Tiên Xuân 2	125	30	N
22	Võ Thị Hương	Nữ	08/10/1949	Thôn Tiên Xuân 2	120	30	N
23	Đào Thị Minh	Nữ	10/10/1966	Thôn Xuân Ngọc	130	30	N
24	Châu Thị Thuận	Nữ	09/03/1962	Thôn Xuân Ngọc	120	30	N
25	Võ Thị Hoa	Nữ	15/06/1943	Thôn Xuân Ngọc	110	30	N
26	Phạm Thị Hồng	Nữ	12/01/1954	Thôn Xuân Ngọc	110	30	N
27	Nguyễn Thị Đõa	Nữ	15/07/1957	Thôn Xuân Ngọc	110	30	N
28	Lê Thị Nguyệt	Nữ	05/02/1952	Thôn Bình An	95	30	N
29	Lê Thị Đông	Nữ	03/01/1941	Thôn Bình An	115	30	N
30	Đoàn Nỡ	Nam	22/02/1939	Thôn Bình An	100	30	N
31	Võ Thị Khả	Nữ	01/01/1938	Thôn Bình An	125	30	N
32	Bùi Văn Chín	Nam	01/01/1972	Thôn Hòa Bình	100	70	N
33	Bùi Văn Hứa	Nam	02/02/1954	Thôn Xuân Tân	120	30	N
34	Bùi Thị Thảo	Nữ	17/06/1954	Thôn Xuân Tân	120	30	N
35	Nguyễn Tấn Vân	Nam	15/04/1938	Thôn Xuân Tân	85	30	N
36	Trần Thị Liên	Nữ	01/01/1954	Thôn Xuân Tân	110	30	N

kieubbt29/12/2023 16:17:25 kieubbt-Khuôt-kieubbt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
37	Đặng Thành	Nam	03/12/1982	Thôn Xuân Tân	115	40	N
38	Trần Thị Nở	Nữ	01/01/1946	Thôn Phú Vinh	105	30	N
39	Phạm Thị Bé	Nữ	03/09/1932	Thôn Phú Vinh	115	30	N
40	Nguyễn Thị Thu	Nữ	02/05/1968	Thôn Phú Vinh	110	30	N
41	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	02/10/1970	Thôn Phú Vinh	130	30	N
42	Nguyễn Thị Nhanh	Nữ	19/09/1960	Thôn Phú Vinh	105	30	N
43	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/01/1944	Thôn Phú Vinh	110	40	N
44	Võ Đăng Niềm	Nam	01/01/1957	Thôn Phú Vinh	120	40	N
45	Võ Thị Bé	Nữ	10/06/1972	Thôn Đông Thạnh	100	60	N
46	Nguyễn Đình Hội	Nam	10/06/1948	Thôn Đông Thạnh	100	30	N
47	Nguyễn Thị Bút	Nữ	10/08/1952	Thôn Đông Thạnh	120	40	N
48	Bùi Thị Hồng	Nữ	20/02/1951	Thôn Đông Thạnh	110	30	N
49	Nguyễn Thị Mệnh	Nam	01/07/1957	Thôn Đông Thạnh	120	50	N
50	Bồ Thị Xuân	Nữ	25/08/1956	Thôn Đông Thạnh	120	30	N
51	Huỳnh Thị Đây	Nữ	21/10/1966	Thôn Đông Thạnh	115	30	N
52	Đặng Đâu	Nam	21/12/1937	Thôn An Lương	140	40	N
53	Nguyễn Đình Nhi	Nam	09/08/1968	Thôn An Lương	135	40	N
54	Nguyễn Thị Tình	Nữ	01/01/1951	Thôn Đức Bố 2	115	30	N
55	Phạm Thị Hữu	Nữ	09/11/1958	Thôn Đức Bố 2	115	40	N
56	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	01/01/1934	Thôn Đức Bố 2	110	30	N

kiesubt29/12/2023 16:17:25 kiesubt-ksubt-kiesubt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
57	Ung Thị Bích	Nữ	27/01/1959	Thôn Đức Bố 2	115	40	N
58	Ung Thị Võ	Nữ	01/01/1951	Thôn Đức Bố 2	110	40	N
59	Phạm Thị Thịnh	Nữ	07/07/0157	Thôn Đức Bố 2	115	30	N
60	Nguyễn Thị Ngư	Nữ	01/01/1933	Thôn Đức Bố 2	115	30	N
61	Nguyễn Thị Toan	Nữ	12/03/1957	Thôn Đức Bố 2	125	30	N
62	Ngô Thị Hòa	Nữ	19/03/1957	Thôn Đức Bố 2	120	30	N
63	Lưu Thị Phần	Nữ	01/01/1938	Thôn Đức Bố 1	120	30	N
64	Trần Thị Hoàng	Nữ	01/01/1951	Thôn Đức Bố 1	120	30	N
65	Ngô Thị Yến	Nữ	10/10/1950	Thôn Đức Bố 1	115	30	N
66	Phạm Thị Chấp	Nữ	01/01/1937	Thôn Đức Bố 1	115	30	N
67	Trần Thị Tuyết	Nữ	01/01/1938	Thôn Đức Bố 1	75	30	N
68	Trần Thanh	Nam	01/01/1971	Thôn Đức Bố 1	115	30	N
69	Phan Thị Bâng	Nữ	01/01/1938	Thôn Trà Lý	115	30	N
70	Trần Ngọc Trung	Nam	15/02/1981	Thôn Trà Lý	115	30	N
71	Trần Thị Yến	Nữ	10/03/1934	Thôn Trà Lý	115	30	N
72	Nguyễn Trúc	Nam	01/01/1942	Thôn Trà Lý	115	30	N
73	Nguyễn Lượng	Nam	03/04/1934	Thôn Trà Lý	115	30	N
74	Nguyễn Thị Cáu	Nữ	09/10/1935	Thôn Trà Lý	115	30	N
75	Trần Thị Tín	Nữ	20/08/1944	Thôn Trà Lý	115	30	N
76	Trần Thị Minh	Nữ	02/01/1950	Thôn Trà Lý	115	30	N

kieubt29/12/2025 16:17:25 kieubt-Kieubt-kieubt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
77	Nguyễn Thị Thắng	Nữ	10/09/1951	Thôn Thuận An	120	30	N
78	Nguyễn Thị Lai	Nữ	20/10/1956	Thôn Thuận An	115	30	N
79	Huỳnh Nhật Linh	Nam	12/12/1995	Thôn Thuận An	95	30	N
II. HỘ CẬN NGHÈO							
1	Nguyễn Thị Hường	Nữ	05/01/1948	Thôn Mỹ Sơn	145	0	CN
2	Nguyễn Phiến	Nam	01/01/1936	Thôn Mỹ Sơn	150	0	CN
3	Đoàn Được	Nam	01/01/1943	Thôn Mỹ Sơn	150	0	CN
4	Châu Thị Xí	Nữ	20/06/1982	Thôn Mỹ Sơn	150	0	CN
5	Bùi Văn Lanh	Nam	05/10/1965	Thôn Mỹ Sơn	140	0	CN
6	Phạm Thị Tơ	Nữ	01/01/1971	Thôn Mỹ Sơn	150	0	CN
7	Trần Văn Bình	Nam	10/05/1968	Thôn Mỹ Sơn	150	0	CN
8	Võ Thị Thiệt	Nữ	03/07/1950	Thôn Mỹ Sơn	145	0	CN
9	Nguyễn Thị Bổn	Nữ	15/04/1959	Thôn Diêm Phổ	135	20	CN
10	Huỳnh Thanh Quang	Nam	01/01/1948	Thôn Tiên Xuân 1	155	20	CN
11	Đặng Thị Tuyết	Nữ	01/01/1943	Thôn Tiên Xuân 1	155	20	CN
12	Võ Công Thành	Nam	19/04/1946	Thôn Tiên Xuân 1	150	10	CN
13	Võ Thị Thủy	Nữ	04/04/1954	Thôn Tiên Xuân 1	155	20	CN
14	Nguyễn Thị Liên	Nữ	01/02/1958	Thôn Tiên Xuân 2	135	10	CN
15	Trương Thị Thanh	Nữ	13/06/1950	Thôn Tiên Xuân 2	135	10	CN
16	Trần Khóa	Nam	20/10/1940	Thôn Tiên Xuân 2	135	10	CN
17	Lê Thị Thiện	Nữ	01/01/1946	Thôn Tiên Xuân 2	135	10	CN

kieubt-29/12/2025 16:17:25-kieubt-kieubt-kieubt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
18	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	10/03/1951	Thôn Tiên Xuân 2	135	10	CN
19	Huỳnh Thị Nhiều	Nữ	19/05/1947	Thôn Xuân Ngọc	140	10	CN
20	Trương Thị Sương	Nữ	16/01/1950	Thôn Xuân Ngọc	125	10	CN
21	Nguyễn Thị Lan	Nữ	01/01/1938	Thôn Xuân Ngọc	135	10	CN
22	Lê Thị Lạc	Nữ	03/05/1942	Thôn Xuân Ngọc	140	10	CN
23	Đoàn Tương	Nam	05/10/1945	Thôn Bình An	115	20	CN
24	Đoàn Thị Tình	Nữ	10/10/1962	Thôn Bình An	110	20	CN
25	Đặng Thị Hiệp	Nữ	01/01/1961	Thôn Phú Vinh	65	20	CN
26	Nguyễn Thị Mưng	Nữ	16/08/1959	Thôn Phú Vinh	130	20	CN
27	Đặng Thị Lãnh	Nữ	01/01/1967	Thôn Xuân Tân	125	20	CN
28	Trần Thị Phẩm	Nữ	20/05/1969	Thôn Xuân Tân	125	20	CN
29	Đặng Thị Thanh	Nữ	12/05/1967	Thôn Xuân Tân	130	20	CN
30	Bùi Thị Toàn	Nữ	03/03/1958	Thôn Xuân Tân	130	20	CN
31	Phạm Thị Phước	Nữ	05/11/1962	Thôn Xuân Tân	130	20	CN
32	Trần Thị Viết	Nữ	12/05/1957	Thôn Đông Thạnh	130	20	CN
33	Phạm Thị Lai	Nữ	16/07/1966	Thôn Đông Thạnh	125	20	CN
34	Bùi Thị Tính	Nữ	01/01/1964	Thôn Đông Thạnh	140	20	CN
35	Trần Thị Nga	Nữ	23/07/1963	Thôn Đông Thạnh	130	20	CN
36	Trần Thị Hai	Nữ	08/10/1968	Thôn Hòa An	135	20	CN
37	Trần Nga	Nam	01/01/1958	Thôn Đức Bố 1	135	20	CN
38	Nguyễn Thị Lanh	Nữ	15/10/1954	Thôn Đức Bố 2	120	20	CN

kieubtt 29/12/2025 15:17:25 kieubtt-kieubtt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
39	Ngô Thị Hoa	Nữ	12/12/1955	Thôn Đức Bố 2	130	20	CN
40	Ngô Thị Vinh	Nữ	10/07/1943	Thôn Đức Bố 2	130	20	CN
41	Ngô Thị Tài	Nữ	26/09/1964	Thôn Đức Bố 2	130	20	CN
42	Trương Thị Thuận	Nữ	10/02/1944	Thôn An Lương	140	20	CN
43	Nguyễn Thị Đoài	Nữ	15/04/1968	Thôn An Lương	135	20	CN
44	Nguyễn Thị Lành	Nữ	12/04/1947	Thôn An Lương	135	20	CN
45	Trần Thị Thuận	Nữ	06/12/1956	Thôn An Lương	135	20	CN
46	Nguyễn Thị Phi Yến	Nữ	10/06/1946	Thôn An Lương	140	20	CN
47	Trần Ca	Nam	01/01/1948	Thôn Trà Lý	120	20	CN
48	Phạm Thị Tự	Nữ	01/01/1935	Thôn Trà Lý	130	20	CN
49	Phan Thanh Trung	Nam	01/01/1937	Thôn Trà Lý	130	20	CN
50	Trần Thị Cúc	Nữ	05/10/1944	Thôn Trà Lý	130	20	CN
51	Bùi Thị Xuân	Nữ	04/06/1945	Thôn Trà Lý	135	20	CN
52	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	20/09/1941	Thôn Thuận An	125	20	CN
53	Tạ Nhật Lệ	Nữ	02/03/1946	Thôn Thuận An	125	20	CN
54	Nguyễn Tấn Tích	Nam	10/02/1931	Thôn Thuận An	115	20	CN
55	Trương Thị Xuân	Nữ	24/12/1948	Thôn Thuận An	115	20	CN
56	Trần Thanh Cu	Nam	16/11/1971	Thôn Hòa Bình	150	30	CN
III. HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO							
1	Võ Văn Thới	Nam	10/10/1957	Thôn Tiên Xuân 1			Chết N
2	Võ Thị Dục	Nữ	19/10/1945	Thôn Bình An			làng Hòa Bình

kieubt-29/12/2025 08:17:25-kieubt-kieubt-kieubt

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
3	Lê Thị Hoa	Nữ	04/06/1942	Thôn Đức Bố 1			Chết N
4	Võ Thị Ngọc	Nữ	05/10/1940	Thôn Đức Bố 2			Chết N
5	Phan Thị Phường	Nữ	05/05/1931	Thôn Trà Lý			Chết N
6	Đoàn Thị Trung	Nữ	11/07/1945	Thôn Bình An			làng Hòa Bình
7	Nguyễn Thị Mai	Nữ	15/02/1951	Thôn Phú Vinh			làng Hòa Bình
8	Bùi Thị Cẩm	Nữ	01/05/1945	Thôn Đông Thạnh			làng Hòa Bình
9	Nguyễn Văn Định	Nam	01/04/1962	Thôn Phú Vinh			CN
10	Mai Thị Lý	Nữ	06/05/1948	Thôn Tiên Xuân 1			CN
11	Cao Thế Huy	Nam	29/03/1972	Thôn Nam Định			CN

Kết quả phân loại sau khi rà soát	- Có 79 Hộ nghèo
	- Có 56 Hộ cận nghèo
	- Có 08 Hộ thoát nghèo
	- Có 02 Hộ thoát cận nghèo
	- Có 0 Hộ không nghèo

kieubtt-29/12/2025 16:17:25-kieubtt-kieubtt-kieubtt